VNH3.TB14.431

NHỮNG TRĂN TRỞ CHO ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

PGS.TS. Phạm Văn Quyết

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐDQG Hà Nội.

Nếu nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục phổ thông là tạo ra những công dân tốt cho xã hội, cho đất nước, thì nhiệm vụ chính của giáo dục đại học là cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho nền sản xuất để tạo ra của cải vật chất và tinh thần của xã hội. Trong thời đại cách mạng khoa học công nghệ hiện nay, trong xu hướng toàn cầu hóa và phát triển nền kinh tế tri thức, giáo dục đại học có vai trò chủ đạo trong toàn bộ hệ thống giáo dục của một quốc gia. Phải thừa nhận rằng giáo dục đại học Việt Nam trong suốt thời gian qua đã có những đóng góp rất lớn cho cuộc đấu tranh giải phóng và xây dựng tổ quốc, nhất là trong quá trình phục hồi và chấn hưng nền kinh tế đất nước.

Tuy nhiên, đã một thời gian dài chúng ta để cho giáo dục tụt hậu khá xa so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Sự phát triển của giáo dục chưa tương xứng với sự phát triển của nền kinh tế. Theo dõi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các hội nghị, hội thảo về giáo dục, đào tạo, trên diễn đàn quốc hội…vấn đề đổi mới hệ thống giáo dục, đặc biệt là đổi mới giáo dục đại học luôn được đề cập đến. Vấn đề này cũng đã thu hút được sự quan tâm không chỉ của các giảng viên, những chuyên gia, những nhà quản lý giáo dục trong ngành, mà còn thu hút được sự quan tâm của các nhà lãnh đạo, các học giả trong và ngoài nước cùng đông đảo các tầng lớp dân cư, các tổ chức, các nhóm xã hội khác nhau. Điều đó không chỉ cho thấy tính cấp bách của vấn đề, mà còn chứng tỏ truyền thống hiếu học, coi trọng phát triển nhân tài của dân tộc Việt Nam nói chung. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi không thể đề cập đến tất cả vấn đề nằm trong sự quan tâm, trăn trở của xã hội, mà tập trung xem xét ở hai khía cạnh chủ yếu sau:

- Sự cần thiết phải đổi mới giáo dục đai học,
- Phân tích các ý kiến về hướng đi và các giải pháp cho đổi mới giáo dục đại học Việt Nam

1. Sự cần thiết phải đổi mới giáo dục đại học

Quan sát trên các diễn đàn, dưới nhiều góc độ khác nhau, khi nói về hệ thống giáo dục đại học Việt nam, ý kiến của hầu hết các nhà giáo dục, các nhà quản lý, các chuyên gia và các nhà doanh nghiệp đều thống nhất ở điểm: Giáo dục đại học Việt Nam cần thiết phải đổi mới. Các số liệu thống kê, những phân tích, những kết luận cho thấy giáo dục đại học hiện nay đang có nhiều yếu kém, bất cập. Những bất cập đó có thể tìm ở khía cạnh số lượng, khi mà tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi 20-24 đang được đào tạo trong các trường đại học ở Việt Nam chỉ chiếm 10%, trong khi đó tỷ lệ này ở Thái Lan là 41%, Hàn Quốc là 89% và ở Trung Quốc là 15% (Nguồn: Dantri.com.vn, ngày 7/8/2007). Số sinh viên trên vạn dân hiện nay ở nước ta là khoảng 120, trong khi đó con số này ở Thái Lan là 400 sinh viên. Theo chủ trương của Chính phủ Việt Nam nhanh chóng phát triển và nâng cấp các trường đại học thì đến năm 2015 chúng ta sẽ phấn đấu đạt 300 sinh viên/ 1 vạn dân và đến năm 2020 sẽ đạt đến con số của Thái Lan hiện nay (Trần Ngọc Châu, *Ra biển lớn với 600 đại học*, trong Giáo dục đại học Việt Nam thời hội nhập).

Vài năm gần đây, đăng ký tham gia kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học thường ở vào khoảng 1,6 – 1,8 triệu lượt thí sinh, nhưng hệ thống các trường đại học chỉ có khả năng đáp ứng được khoảng 1/5 đến 1/6 số lượng trên. Về mặt quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học cũng không đồng nhất, mạnh ai lấy làm, không đồng bộ. Bộ GD&ĐT cũng chỉ quản lý gần 30% các trường đại học cao đẳng trong toàn quốc. Đội ngũ giảng viên ở các trường đại học dường như ít thay đổi trong suốt 17 năm qua, nhưng cũng trong khoảng thời gian đó số lượng sinh viên đã tăng lên gấp đôi, tức là từ 150 ngàn tăng lên 300 ngàn. Mặt khác số giảng viên có trình độ tiến sỹ cũng rất thấp, chỉ chiếm khoảng 10%, trong khi đó tỷ lệ tiến sỹ trong đội ngũ giảng viên trong các trường đại học mức trung bình ở phương Tây là khoảng 70%; số giảng viên là giáo sư, phó giáo sư cũng rất thấp (giáo sư chiếm 0,1%, phó giáo sư chiếm khoảng hơn 5% trong số giản viên) (Nguyễn Văn Tuấn, *Chất lượng giáo dục đại học: bắt đầu từ thày và kết thúc ở trò*, Dien dan Forum, BP 50, 92340 Bourg-La-Reine, France)

Ở khía cạnh chất lượng, tuy đã có những bước tiến triển nhất định, nhưng so với mức đột phá về chất lượng giáo dục ở các trường đại học các nước trong thời gian qua, thì chất lượng giáo dục đại học Việt Nam được nhiều người coi là sự tụt hậu lớn. Hệ thống giáo dục đại học hiện đại ở Việt Nam có lịch sử tồn tại từ nhiều năm nay, nhưng vấn đề kiểm định và đảm bảo chất lượng đào tạo cũng mới chỉ được nhắc đến trong vài năm gần đây. Hiện nay, cả nước đã có hơn ba trăm trường đại học, song dường như chưa có trường đại học nào

bước được vào trong bảng xếp hạng các trường đại học của các tổ chức có tên tuổi trên thế giới.

Hơn nữa, khi xem xét chất lượng đào tạo theo 4 tiêu chí chất lượng của sinh viên tốt nghiệp: kiến thức tổng quát (bao gồm kiến thức về xã hội, thông thạo kỹ thuật vi tính, tiếng Anh…), kiến thức chuyên môn, kĩ năng phát hiện, đặt và giải quyết vấn đề và tiêu chí nhân cách chúng ta thấy chất lượng đào tạo của các đại học nước ta còn quá hạn chế. Trong nhiều cuộc hội thảo, trao đổi giữa các cơ sở đào tạo đại học với các nhà doanh nghiệp, lãnh đạo các tổ chức, cơ quan nghiên cứu khoa học, chúng ta đều nhận được các ý kiến về những cái yếu của sinh viên Việt Nam là: yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, thiếu kỹ năng giao tiếp công chúng và làm việc nhóm, thiếu khả năng vận dụng giải quyết vấn đề, yếu về kĩ thuật vi tính và tiếng Anh… Nhiều nhà doanh nghiệp cho rằng thực tế chỉ khoảng 10-30% số sinh viên tốt nghiệp là có thể đáp ứng được những yêu cầu cơ bản cho lao động của doanh nghiệp, còn đối với đa số trường hợp khi tuyển dụng, doanh nghiệp phải chấp nhận việc đào tạo lại. Một nghiên cứu mới đây do Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cho thấy có đến 50% sinh viên tốt nghiệp không đáp ứng các yêu cầu chuyên môn và phải đào tạo lại (Nguyễn Văn Tuấn, tài liệu đã dẫn).

Ngoài những bất cập về số lượng và chất lượng như đã trình bày, chúng ta còn thấy nhiều bất cập khác của giáo dục đại học Việt Nam. Những bất cập, yếu kém này cũng đã được trình bày rất rõ trong Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010, trong đó có giáo dục đại học, cụ thể:

a) Chất lượng giáo dục nói chung còn thấp, một mặt chưa tiếp cận được với trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, mặt khác chưa đáp ứng với các ngành nghề trong xã hội

b) Hiệu quả hoạt động giáo dục chưa cao. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp: còn nhiều học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa có việc làm.

c) Cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền đã được khắc phục một bước song vẫn còn mất cân đối.

d) Đội ngũ nhà giáo thiếu về số lượng và nhìn chung thấp về chất lượng.

e) Cơ sở vật chất của nhà trường còn thiếu thốn. Chưa thanh toán hết các lớp học 3 ca.

f) Chương trình, giáo trình, phương pháp giáo dục chậm đổi mới, chậm hiện đại hóa.

g) Công tác quản lý giáo dục còn kém hiệu quả. (*Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010, trong Giáo dục đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 45)

Như vậy, tuy giáo dục đại học Việt Nam đã có những biến chuyển, song với tốc độ còn quá chậm so với tiến trình đổi mới của đất nước, không theo kịp tốc độ phát triển của kinh tế xã hội, chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân. Cả ở khía cạnh số lượng, chất lượng, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, giáo trình, chương trình và công tác quản lý đều còn quá nhiều bất cập.Vì thế, yêu cầu đổi mới toàn diện về giáo dục đại học Việt Nam là hết sức cần thiết.

Mặt khác, khi Việt Nam đã chính thức trở thành viên của tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), vấn đề hội nhập của giáo dục đại học lại được đặt ra tranh luận sôi nổi. Cam kết của chính phủ Việt Nam thực hiện GATS trong lĩnh vực giáo dục đã đặt giáo dục đại học trước những thách thức cực kỳ to lớn. Giáo dục là một dạng dịch vụ thương mại, đặc biệt là giáo dục đại học được coi là lĩnh vực dịch vụ mở được cửa rộng nhất. Với tư cách là nước đi sau trong việc gia nhập WTO, Việt Nam phải chịu sức ép lớn hơn về cam kết trong lĩnh vực giáo dục. Trên thực tế, khi đưa ra bản chào dịch vụ đa phương, mức cam kết của Việt Nam về dịch vụ giáo dục là khá sâu rộng đối với giáo dục đại học. Theo đó, chúng ta mở cửa đối với hầu hết các lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật, nghiên cứu và quản lý doanh nghiệp, kinh tế, kế toán, ngôn ngữ và luật quốc tế.

Thực hiện các cam kết về GATS trong lĩnh vực giáo dục đại học giúp cho chúng ta có thêm nguồn vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời thu hút được tiềm năng chất xám, chuyển giao công nghệ, tạo môi trường cạnh tranh…, song nếu không quyết tâm đổi mới để thích ứng, để phát triển thì "giáo dục đại học sẽ không đủ sức cạnh tranh, bản sắc văn hóa dân tộc và những giá trị văn hóa truyền thống sẽ bị phai nhạt, tình trạng thất thoát chất xám ngày càng trầm trọng, quyền lợi người học sẽ bị xâm hại, khoảng cách giữa Việt Nam với các nước phát triển sẽ ngày càng gia tăng"(Duy Tuấn, *Đổi mới giáo dục đại học là cần thiết, trong trong Giáo dục đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 72). Chính phủ chọn giáo dục đại học là lĩnh vực ưu tiên đầu tư vì đây là lĩnh vực chúng ta có thể giải quyết được nhiều vấn đề quốc gia về mặt giáo dục. Có cán bộ quản lý giáo dục còn so sánh khi các cam kết về GATS trong lĩnh vực giáo dục được thực hiện, nếu chúng ta không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, không đổi mới kịp thời, thì sẽ rất dễ bị các nước trong WTO cuốn bay. Thực tế, các nhà đầu tư nước ngoài coi thị trường giáo dục đại học Việt Nam là thị trường giàu tiềm năng vì các trường đại học nước ta hiện nay cũng như trong tương lai gần hoàn toàn không đủ khả năng đáp ứng yêu cầu của người học và khả năng nâng cao chất lượng giáo dục.

Hơn nữa, cũng trong điều kiện mở cửa và hội nhập một cách sâu rộng với thế giới trong lĩnh vực giáo dục đại học như hiện nay, chúng ta không thể cứ để "cỗ máy" giáo dục vận hành theo những quy tắc cũ kỹ, lạc hậu được thiết lập từ những năm 80 của thế kỷ trước. Rõ ràng để giáo dục đại học cất cánh, phát triển thuận lợi, nhanh chóng hội nhập với giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới, chúng ta cần đổi mới một cách sâu rộng giáo dục đại học nước nhà và trước hết cũng cần có một cái nhìn mới đối với triết lý giáo dục đại học.

2. Ý kiến về hướng đi và các giải pháp cho đổi mới giáo dục đại học Việt Nam

Dường như những vấn đề: giáo dục đại học cần được đổi mới như thế nào? Hướng đổi mới ra sao và cần được bắt đầu từ đâu? Các bước đi và các giải pháp cho việc đổi mới như thế nào?v.v. đã thu hút được sự quan tâm rất lớn của các tầng lớp xã hội. Các cơ quan quản lý các cấp, các cơ quan nghiên cứu đã tổ chức nhiều lần lấy ý kiến của các chuyên gia, của các tầng lớp nhân dân, đã tiến hành tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo, tọa đàm đều nhằm tìm ra con đường bứt phá cho giáo dục đại học Việt Nam. Qua các ý kiến, các nhận định, phân tích của các chuyên gia, các nhà quản lý, chúng ta càng thấy những vướng mắc, cản trở, những thách thức đối với quá trình đổi mới giáo dục đại học nước nhà. Rất nhiều vấn đề được nêu ra, nhiều ý kiến về các bước đi, các định hướng và các giải pháp cho việc đổi mới giáo dục đại học đã được đề cập đến. Tuy nhiên, qua các ý kiến chúng ta có thể thấy mọi sự quan tâm, trao đổi đều tập trung vào 2 vấn đề cơ bản, đầy bức súc: thứ nhất liên quan đến đường lối (triết lý) và cơ chế quản lý giáo dục đại học; thứ hai liên quan tới mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng của giáo dục đại học.

Về đường lối, cơ chế cho giáo dục đại học hiện nay

Về cơ bản, từ lâu nay giáo dục đại học Việt Nam vẫn được coi là lĩnh vực hoạt động vì phúc lợi xã hội, tuân theo nguyên tắc phi thương mại, không vụ lợi. Nguyên tắc này được xác lập và hoạt động cả ở các trường công lập, bán công hay tư thục. Nhà nước bao cấp và kiểm soát các lĩnh vực hoạt động của các trường đại học. Giáo dục được coi là một quyền lợi cơ bản của mọi người và bất kỳ ai, nếu xứng đáng đều có quyền tiếp cận giáo dục đại học. Quan điểm này về cơ bản phù hợp với cách nhìn nhận của tổ chức UNESCO về giáo dục đại học. Trong bối cảnh quốc tế hóa giáo dục UNESCO có nhiệm vụ tăng cường hợp tác quốc tế giữa các nước, thúc đẩy giáo dục xuyên biên giới không nhằm mục đích lợi nhuận (thông qua hợp tác quốc tế với các dự án ODA và liên kết đào tạo).

Khác với UNESCO, quan điểm cơ bản của WTO coi giáo dục là một trong 12 ngành dịch vụ thương mại thuộc phạm vi điều chỉnh của GATS; dịch vụ này cần được từng bước

tự do hóa thương mại thông qua đàm phán. Điều này cũng có nghĩa khi Việt Nam thực hiện những cam kết về GATS trong lĩnh vực giáo dục đại học, thì chúng ta cần có cái nhìn khác: giáo dục đại học là một dịch vụ trong hoạt động thương mại và thương mại dịch vụ giáo dục phải được tự do hóa. Trong bối cảnh quốc tế hóa giáo dục, GATS hướng tới thúc đẩy giáo dục xuyên biên giới nhằm mục đích lợi nhuận. Tiếp cận giáo dục đại học theo hướng này chúng ta chấp nhận sự hình thành các trường đại học-doanh nghiệp với 100% vốn đầu tư của nước ngoài và nguy cơ giảm bớt vai trò của nhà nước trong giáo dục, chấp nhận sự cạnh tranh quyết liệt giữa các trường đại học và tình trạng khó kiểm soát về chất lượng, chấp nhận sự phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng trong giáo dục đại học…

Việt Nam cũng như nhiều nước khác hiện nay vừa là thành viên của UNESCO vừa là thành viên của WTO. Việc cùng tồn tại cả hai cách tiếp cận: giáo dục vì lợi nhuận và giáo dục phi lợi nhuận là tất yếu. Vấn đề tìm ra mối cân bằng giữa hai cách tiếp cận này để hội nhập thành công với các nền giáo dục đại học tiên tiến của thế giới, thúc đẩy sự bứt phá của các trường đại học là bài toán khó, tạo sự trăn trở của xã hội và được thảo luận sối nổi.

Rất nhiều ý kiến của các chuyên gia, nhiều bài viết phân tích một cách sâu sắc ở mọi góc độ về những gì giáo dục đại học đã làm được trong quá trình hội nhập, về những cơ hội, những thách thức và gợi ý những lựa chọn cần thiết đối với cách tiếp cận phù hợp nhất cho giáo dục đại học trước việc nước ta gia nhập WTO và thực hiện những cam kết về GATS trong lĩnh vực giáo dục đại học. Nhiều phân tích về các mô hình của các nước đã cam kết thực hiện GATS trong dịch vụ giáo dục với tư cách là nước xuất khẩu giáo dục đại học (chủ yếu các nước thuộc khối OECD), hoặc với tư cách là nước nhập khẩu giáo dục như các nước đang phát triển ở châu Á, nhập khẩu có kế hoạch, chủ động như Trung Quốc, Thái Lan, hoặc nhập khẩu theo dạng các nước có thu nhập thấp ở châu Phi. Có ý kiến phân tích và gợi ý những việc chúng ta cần phải làm để tạo ra những đặc trưng riêng biệt của thị trường giáo dục đại học Việt Nam, trong đó nhấn mạnh vai trò định hướng của nhà nước, nhằm hạn chế tối đa các mặt tiêu cực của thị trường, đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục. Để đảm bảo giáo dục đại học Việt Nam nhanh chóng tiếp cận trình độ tiên tiến, tiếp tục tiến trình quốc tế hóa theo cả 2 cách tiếp cận: phi thương mại và thương mại, nhiều ý kiến cho rằng việc khoanh vùng các khu vực giáo dục đại học để mở cửa theo phạm vi điều chỉnh của GATS là sự cần thiết, việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các trường đại học tư thục để có thể chiếm lĩnh thị phần giáo dục đại học trước các nhà cung ứng giáo dục nước ngoài cần được xác lập, có kế hoạch rõ ràng. Vấn đề tăng cường hơn nữa quyền tự chủ của các

trường đại học trong nước để đảm bảo sự bình đẳng trong cạnh tranh với các đại học nước ngoài ở Việt Nam cũng được nhiều ý kiến đề cập đến …

Khi đề cập đến vấn đề cơ chế cho giáo dục đại học, nhiều bài viết, nhiều ý kiến kiến nghị nhà nước cần nhanh chóng xóa bỏ cách điều hành hệ thống giáo dục đại học có phần bao cấp hoặc theo kiểu "xin - cho" và nên thay thế bằng quản lý theo chính sách và quy chế. Giáo dục đại học không thể coi như giáo dục phổ cập, không là phúc lợi công miễn phí. Cần xác định và chuyển hoạt động giáo dục đại học từ dạng sự nghiệp công ích sang cơ chế dịch vụ phù hợp với kinh tế thị trường. Tuy nhiên, để giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo trong giáo dục đại học cần nghiên cứu những chính sách hỗ trợ khác phù hợp hơn…

Về mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng của giáo dục đại học.

Những bất cập về mặt số lượng và mặt chất lượng trong giáo dục đại học đã đặt ra nhu cầu phải đổi mới giáo dục đại học Việt Nam đã được chúng tôi đề cập đến ở phần đầu. Sự quan tâm ở đây là những trăn trở của xã hội khi giải quyết mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng của giáo dục đại học trong quá trình đổi mới. Theo dõi trên các diễn đàn về giáo dục đại học thời gian qua, chúng ta thấy có rất nhiều ý kiến đề cập tới vấn đề này cùng nhiều kiến nghị, giải pháp được đưa ra. Nhiều ý kiến chỉ ra rằng những bất cập trong mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng đều có thể tìm thấy ở mọi khía cạnh hoạt động của lĩnh vực giáo dục đại học. Ví dụ việc tăng số lượng các trường đại học lên con số 600 vào năm 2010 trên cơ sở nâng cấp các trường cao đẳng ở hầu hết các tỉnh thành, đáp ứng nhu cầu của người học, đáp ứng mục tiêu tăng tỷ lệ sinh viên trong dân số, song lại gặp phải những khó khăn trong kiểm định và đảm bảo chất lượng, sự giảm sút về chất lượng đội ngũ giáo viên, làm chậm đi quá trình hiện đại hóa cơ sở vật chất trang thiết bị trường học; hoặc ý tưởng về sự tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy (vấn đề cốt lõi của chất lượng giáo dục đại học) thông qua chế độ tuyển dụng, bồi dưỡng và sử dụng lại gặp trở ngại lớn về mức tiền lương, chế độ đãi ngộ và chính sách về giá cả các dịch vụ khoa học; ngay trong vấn đề về đổi mới chương trình đào tạo theo hướng giảm tải kiến thức lý thuyết, tăng cường các kỹ năng, tăng cường các môn tự chọn, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp về chất lượng sản phẩm đào tạo cũng gặp phải những vướng mắc ở khía cạnh tài chính, trong số lượng cán bộ đã được đào tạo ở từng ngành từng trường, số lượng các cấp phê duyệt và kiểm tra, giám sát chương trình. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm là phương thức cần thiết nâng cao chất lượng đào tạo gặp trở ngại ngay trong lượng kinh phí

đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, mức học phí của sinh viên và tiền lương của giáo viên…

Đã có rất nhiều phân tích sâu sắc của các chuyên gia ở các khía cạnh khác nhau trong mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng của giáo dục đại học và cũng đã có nhiều ý kiến bày tỏ sự băn khoăn về các giải pháp đang được thực thi cho việc giải quyết mối quan hệ này theo hướng vừa tăng cường về số lượng vừa nâng cao về chất lượng, hoặc đưa ra các kiến nghị về các giải pháp để giáo dục đại học Việt Nam nhanh chóng tiếp cận trình độ giáo dục đại học tiên tiến của khu vực và thế giới. Những phân tích về các giải pháp liên quan đến chế độ đầu tư, tăng cường quyền tự chủ của các trường đại học, xóa bỏ cơ chế bộ chủ quản, cơ chế bao cấp, thúc đẩy quá trình xã hội hóa giáo dục đại học, tăng cường công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng… thường được xem xét như cơ sở quan trọng cho giải quyết mối quan hệ giữa số lượng và chất lượng của giáo dục đại học. Rất nhiều giải pháp được phân tích theo các khía cạnh khác nhau của giáo dục đại học liên quan đến chế độ bồi dưỡng, bổ nhiệm và sử dụng đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý giáo dục, phong học hàm, học vị…, liên quan đến cải cách chính sách, chế độ đãi ngộ, chế độ học phí, chế độ thi cử, tuyển sinh…, liên quan đến đổi mới chương trình, mục tiêu và phương pháp giảng dạy…, liên quan đến sử dụng đội ngũ giáo sư nước ngoài, xây dựng trường đại học đẳng cấp quốc tế…, và cả những phân tích về giải pháp đối với người học, đối với việc học ngoại ngữ đều được xem xét trên cơ sở những đề xuất cho phát triển giáo dục đại học Việt Nam cả ở khía cạnh số lượng và chất lượng.

Có lẽ chưa bao giờ giáo dục đại học Việt Nam đứng trước những thách thức, những cơ hội và có vai trò lớn như thế. Có lẽ chưa bao giờ nhu cầu về sự đổi mới của giáo dục đại học lại cần thiết đến như vậy và có lẽ cũng chưa bao giờ việc đổi mới giáo dục đại học lại nhận được sự quan tâm, sự trăn trở của xã hội đến mức đó. Những suy tư, những ý tưởng được thể hiên qua các góp ý, các phản biện xã hội chắc chắn sẽ giúp giáo dục đại học Việt Nam phát triển để hoàn thành cả 2 mục tiêu đồng thời là cung cấp nguồn nhân lực, một mặt đủ sức đáp ứng yêu cầu phát triển của kinh tế xã hội của đất nước, một mặt đủ trình độ, tri thức để hòa nhập với thế giới, biết nắm bắt và vận dụng những tiến bộ của khoa học công nghệ tiến tiến vào thực tế Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. H.L.Anh, D.Hằng (ghi), *Giáo dục đại học Việt Nam ngày càng xa chuẩn quốc tế*, www.nld.com.vn, ngày 16/7/2008.

2. Trần Ngọc Châu, Ra biển lớn với 600 đại học, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 60, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.

3. *Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 44, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.

4. Lê Văn Công, *Vai trò giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa*, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 57, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.

5. Mạnh Cường, *Bảy giải pháp đổi mới giáo dục đại học Việt Nam*, http://vietnamnet.vn/giaoduc, ngày 20/5/2005.

6. Đại học Việt Nam hậu WTO, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 74, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.

7. Malcom Gillis, *Việt Nam cần thiết kế "Hệ thống lọc dầu giáo dục"*, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 123, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.

8. Người Lao Động, *Tám nhà giáo hiến kế 3 mũi đột phá giáo dục Việt Nam*, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 90, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.

9. Người Lao Động, *Giáo dục đại học Việt Nam cần sự thay đổi*, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 160, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007

10. Nguyễn Hữu Danh, *Đổi mới tư duy giáo dục: Phải thoát ra khỏi tư tưởng bao cấp*, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 187, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.

11. Lê Hạnh, *Giáo dục đại học Việt Nam: Một vài con số,* Báo Lao Động, ngày 23/6/ 2004

12. Kiều Hương, *Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam: Chọn ứng dụng mô hình đại học nào*? Thanhnien.com.vn, ngày 01/ 11/ 2004.

13. Kiều Hương, *Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam: Những giải pháp cần ưu tiên tháo gỡ*, Thanhnien.com.vn, ngày 02/ 11/ 2004.

14. Nghiêm Huê, Vào WTO: *Bài toán nào cho giáo dục đại học Việt Nam*, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 126, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.

15. Đào Văn Khanh, *Tự chủ đại học Việt Nam - con đường chông gai*, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 163, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.

16. Nguyễn Văn Minh, *Chất lượng giáo dục từ góc nhìn quản lý*, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 98, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.

17. Tùng Nguyên, *Giáo dục đại học Việt Nam: Còn nhiều thách thức*, Dantri.com.vn, ngày 07/ 8/ 2007.
18. Nguyễn Thiện Nhân, *Những vấn đề bức xúc của ngành giáo dục, trả lời chất vấn tại kỳ họp Quốc hội ngày 30 và 31 tháng 3*, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 54, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007
19. Chu Phạm Ngọc Sơn, *Để bài học đóng góp hữu hiệu hơn vào phát triển kinh tế xã hội*, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 150, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.
20. Trần Đình Sử, *Lối thoát nào cho giáo dục đại học Việt Nam*, http://www.chungta.com, 6 July 2007.
21. Phạm Đỗ Nhật Tiến, *Phát triển giáo dục đại học Việt Nam trong bối cảnh mới*, Tạp chí Cộng sản, số 5 (125) năm 2007.
22. Nguyễn Văn Tuấn, *Chất lượng giáo dục đại học: bắt đầu từ thày và kết thúc ở trò*, Dien dan Forum, BP 50, 92340 Bourg-La-Reine, France diendan@diendan.org.
23. Duy Tuấn, *Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam là cần thiết*, trong *Giáo dục đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 72, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.
24. Hoàng Tụy, *Kiến nghị chấn hưng, cải cách, hiện đại hóa giáo dục*, trong *Giáo duc đại học Việt Nam thời hội nhập*, tr. 113, Nxb Lao động, Hà Nội, 2007.